



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
MÙA MƯA NĂM 2021**

HÀ NỘI, THÁNG 9/2021

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vttcdbttn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất mùa khô 2021.....	4
1.1. Mục nước	4
1.1.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)	4
1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	5
1.2. Chất lượng nước.....	7
1.2.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)	7
1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	7
2. Dự báo mực nước dưới đất mùa mưa năm 2021	8
2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	8
2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	8
3. Cảnh báo mực nước dưới đất	9

LỜI NÓI ĐẦU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Thừa Thiên Huế được biên soạn hàng tháng, mùa, năm nhằm cung cấp các thông tin về số lượng, chất lượng nước, đồng thời dự báo tổng lượng nước đến, lượng nước có thể khai thác sử dụng tại các tiểu vùng dự báo và đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Thừa Thiên Huế là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hương có diện tích tự nhiên là 5025,30 km². Trong phạm vi tỉnh hiện nay có 16 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Đối với tài nguyên nước dưới đất tỉnh Thừa Thiên Huế gồm 2 tầng chứa nước chính: tầng chứa nước Holocen (qh), tầng chứa nước Pleistocen (qp). Theo báo cáo thuộc dự án “Biên hội - thành lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:200.000 cho các tỉnh trên toàn quốc”, tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước Holocen (qh) là 797.111,9 m³/ngày, tầng chứa nước Pleistocen (qp) là 180.422,2m³/ngày.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: qtnn@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

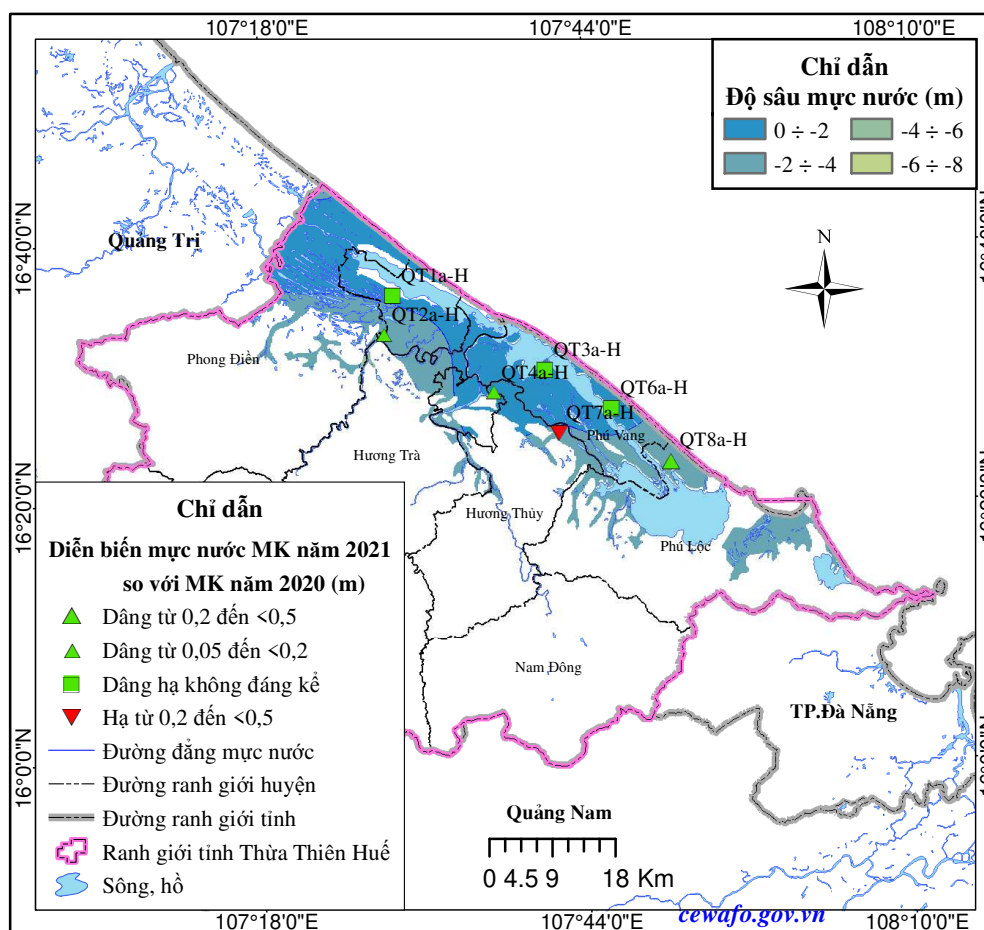
1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất mùa khô năm 2021

1.1. Mục nước

1.1.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô năm 2021 dâng và dâng hạ không đáng kể chiếm ưu thế so với năm 2020. Giá trị dâng cao nhất là 0,24m tại xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8a-H) và hạ 0,46m tại xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy (QT7a-H).

Mực nước trung bình mùa khô nông nhất là -0,63m tại xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3a-H) và trung bình mùa khô sâu nhất là -3,79m tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền (QT2a-H).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô năm 2021 tầng qh

Bảng 1. Tổng hợp mực nước trung bình tháng tầng qh (m)

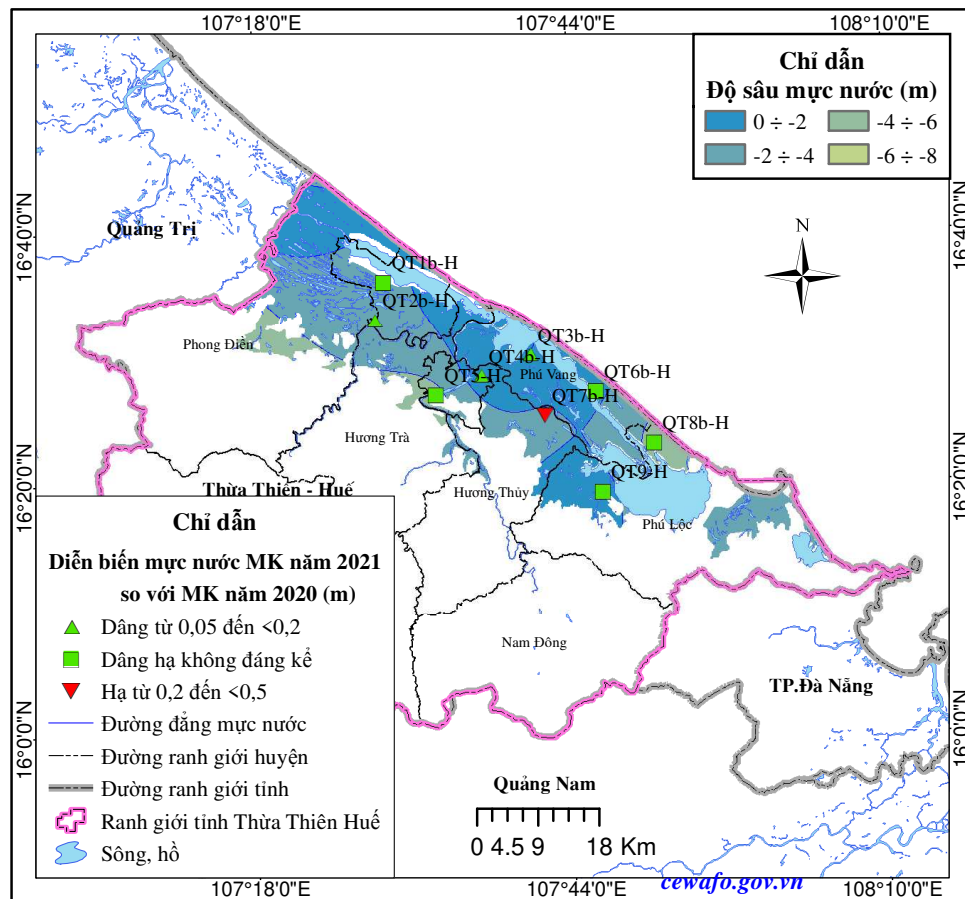
Năm 2021	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền (QT1a-H)	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền (QT2a-H)	Xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3a-H)	Xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy (QT4a-H)	Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6a-H)	Xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy (QT7a-H)	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8a-H)
Tháng 1	-1,20	-3,31	-0,44	-0,77	-1,04	-1,55	-2,11
Tháng 2	-1,30	-3,70	-0,48	-0,86	-1,17	-1,89	-2,64

Năm 2021	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền (QT1a-H)	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền (QT2a-H)	Xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3a-H)	Xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy (QT4a-H)	Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6a-H)	Xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy (QT7a-H)	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8a-H)
Tháng 3	-1,40	-3,75	-0,53	-0,94	-1,24	-1,69	-3,04
Tháng 4	-1,51	-3,86	-0,65	-0,95	-1,33	-1,84	-3,32
Tháng 5	-1,73	-3,88	-0,76	-1,09	-1,49	-2,37	-3,58
Tháng 6	-1,86	-3,97	-0,68	-1,09	-1,57	-3,50	-3,80
Tháng 7	-1,97	-3,95	-0,71	-1,12	-1,63	-2,73	-3,97
Tháng 8	-2,14	-3,91	-0,82	-1,21	-1,87	-2,79	-4,14

1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô năm 2021 dâng hạ không đáng kể so với năm 2020. Giá trị dâng cao nhất là 0,14m tại xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3b-H) và hạ thấp 0,45m tại xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy (QT7b-H).

Mực nước trung bình mùa khô nông nhất là -0,05m tại xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3b-H) và trung bình năm sâu nhất là -4,54m tại xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8b-H).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô năm 2021 tầng qp

Bảng 2. Tổng hợp mực nước trung bình tháng tăng qđ (m)

Năm 2021	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền (QT1b-H)	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền (QT2b-H)	Xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3b-H)	Xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy (QT4b-H)	Xã Thủy Biều, huyện TP. Huế (QT5-H)	Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6b-H)	Xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy (QT7b-H)	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8b-H)	Xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc (QT9-H)
Tháng 1	-2,24	-2,10	0,01	-0,76	-4,19	-1,54	-1,54	-4,33	-1,19
Tháng 2	-2,35	-2,43	-0,09	-0,85	-4,36	-1,67	-1,86	-4,45	-1,29
Tháng 3	-2,38	-2,57	-0,11	-0,92	-4,42	-1,68	-1,65	-4,48	-1,39
Tháng 4	-2,40	-2,67	-0,04	-0,93	-4,47	-1,63	-1,84	-4,49	-1,46
Tháng 5	-2,50	-2,85	-0,05	-1,08	-4,51	-1,77	-2,36	-4,58	-1,59
Tháng 6	-2,53	-2,91	-0,04	-1,08	-4,58	-1,91	-3,45	-4,63	-1,61
Tháng 7	-2,53	-2,89	-0,01	-1,11	-4,62	-1,85	-2,76	-4,64	-1,55
Tháng 8	-2,60	-2,99	-0,07	-1,20	-4,73	-1,87	-2,72	-4,69	-1,70

1.2. Chất lượng nước

1.2.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2021 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy một công trình nước mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN09:2015/BTNMT), chi tiết như sau:

- *Chỉ tiêu độ mặn (TDS)*: Kết quả phân tích cho thấy một công trình vượt GTGH, tại công trình QT4a-H (xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy).

- *Các chỉ tiêu vi lượng*: Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, chỉ có công trình QT7a-H (xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy) hàm lượng Mangan (Mn) vượt GTGH.

- *Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+)*: Kết quả phân tích cho thấy một công trình có hàm lượng vượt GTGH (1mg/l), tại công trình QT2a-H (xã Phong Hiền, huyện Phong Điền).

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qh

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
QT1a-H	35	0,01	0,00	0,00	0,000	0,01
QT2a-H	168	0,13	0,00	0,00	0,000	2,40
QT3a-H	352	0,13	0,00	0,00	0,003	0,41
QT4a-H	3306					
QT6a-H	73	0,04	0,00	0,00	0,000	0,28
QT7a-H	885	0,67	0,00	0,00	0,003	0,56
QT8a-H	50	0,03	0,00	0,00	0,002	0,01

1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2021 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy một số điểm nước bị lợ hoặc mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN09:2015/BTNMT), chi tiết như sau:

- *Chỉ tiêu độ mặn (TDS)*: Kết quả phân tích cho thấy một số công trình vượt GTGH. Giá trị vượt lớn nhất tại công trình QT4b-H (xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy);

- *Các chỉ tiêu vi lượng*: Kết quả phân tích cho thấy một số công trình đều có hàm lượng Mangan (Mn), Asen (As) lớn hơn GTGH. Giá trị Mn vượt lớn nhất tại QT5-H (xã Thủy Biều, TP. Huế) và As tại công trình QT2b-H (xã Phong Hiền, huyện Phong Điền).

- *Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+)*: Kết quả phân tích cho thấy một số công trình có hàm lượng lớn hơn GTGH. Giá trị vượt lớn nhất tại công trình QT5-H (xã Thủy Biều, TP. Huế).

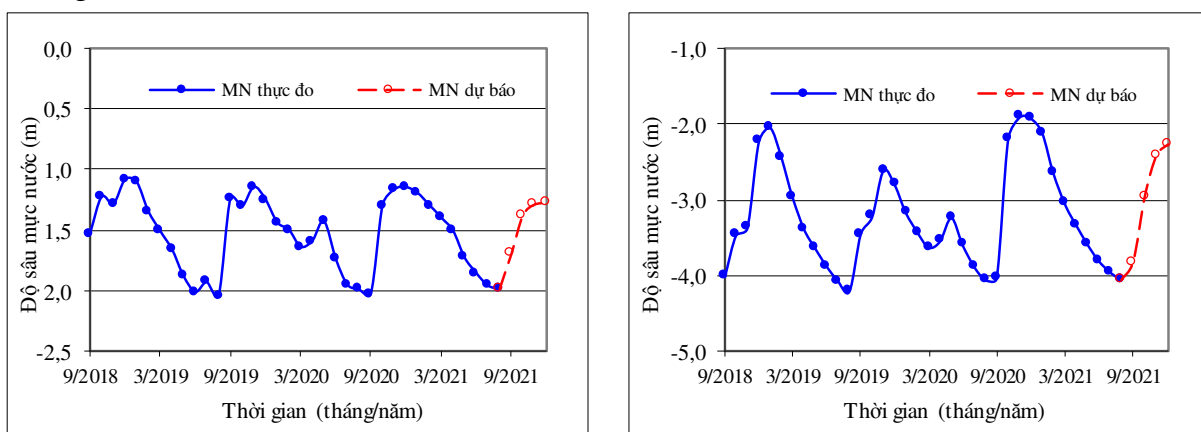
Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qv

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH4
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
QT1b-H	101	0,10	0,00	0,00	0,000	0,28
QT2b-H	425	0,06	0,15	0,00	0,000	17,50
QT3b-H	84	0,22	0,00	0,00	0,001	0,28
QT4b-H	3063					
QT5-H	579	0,85	0,01	0,00	0,001	35,00
QT6b-H	129	0,23	0,00	0,00	0,001	0,56
QT7b-H	1208	0,58	0,00	0,00	0,008	0,56
QT8b-H	189	0,28	0,00	0,00	0,002	0,28
QT9-H	2557	0,27	0,00	0,01	0,000	8,96

2. Dự báo mực nước dưới đất mùa mưa năm 2021

2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Mực nước trung bình các tháng mùa mưa năm 2021 nhìn chung có xu thế dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm 2020. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:

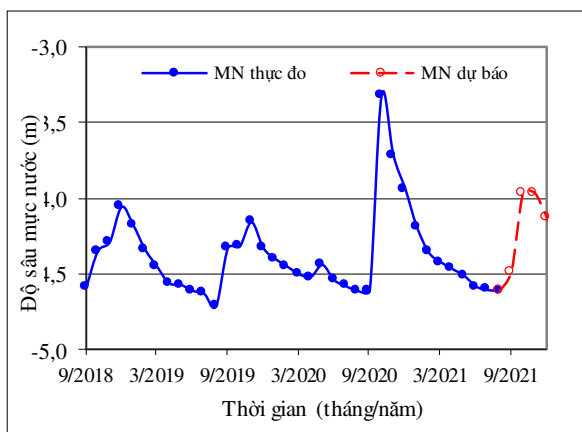


xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền (QT1a-H) Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc (QT8a-H)

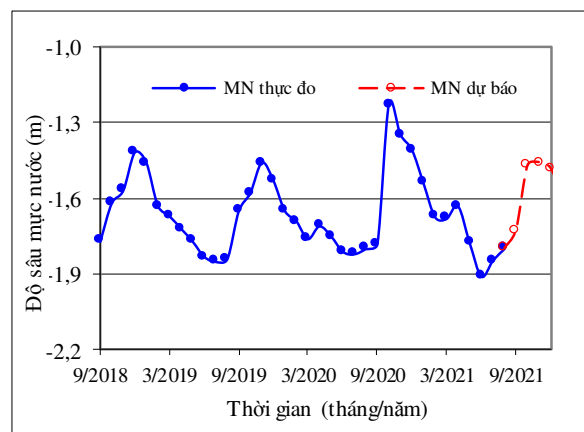
Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Mực nước trung bình các tháng mùa mưa năm 2021 nhìn chung có xu thế hạ so với cùng kỳ năm 2020. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



P. Thủy Biều, Tp. Huế (QT5-H)



xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6b-H)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qđ

Bảng 5. Bảng tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I	Tầng chứa nước qđ					
1	QT1a-H	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền	-1,28	-1,70	-1,41	9/2021
2	QT8a-H	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc	-2,26	-3,82	-2,86	9/2021
II	Tầng chứa nước qđ					
1	QT5-H	Xã Thủy Biều, TP. Huế	-3,97	-4,48	-4,14	9/2021
2	QT6b-H	Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang	-1,46	-1,73	-1,54	9/2021

3. Cảnh báo mực nước dưới đất

Theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong tình hình hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.